**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
**TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/ 2019
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lý Thị Đào

2. Bà Lâm Thị Tám

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 295/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Mỹ L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Đ, xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

*2. Bị đơn:* Anh **Trần Thanh Q (q), tên gọi khác (F),** sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp Đ, xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Nguyễn Mỹ L và anh Trần Thanh Q chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến ngày 22/02/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2005 cấp ngày 22 tháng 02 năm 2005.

Chị Nguyễn Mỹ L và anh Trần Thanh Q chung sống với nhau có ba người con chung là cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000, cháu Trần Nguyễn

Xuân Ng, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và cháu Trần Nguyễn Niệm I, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012, hiện các cháu đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Mỹ L xác định không có.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian trên 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Q không lo làm ăn, không quan tâm, lo lắng cho gia đình anh Q thường bỏ nhà đi khi chị mang thai cháu I mới 03 tháng và anh Q có quen người phụ nữ khác, chị có khuyên nhưng anh Q không nghe từ đó dẫn đến vợ chồng thường cải vã nhau, chị thấy sống chung với anh Q không hạnh phúc nên giữa chị và anh Q sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị L và anh Q không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về con chung, chị L yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Trần Nguyễn Xuân Ng, Trần Nguyễn Niệm I, đến tuổi trưởng thành và chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 cháu đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L thì anh Q đã được Tòa án nhân dân huyện T tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh Q không đến và không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, cũng như không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh Q đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tphát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu

ly hôn của chị L đối với anh Q. Về con chung, giao cháu Trần Nguyễn Xuân Ng, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và cháu Trần Nguyễn Niệm I, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Riêng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu; anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu theo qui định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Thanh Q và hiện nay anh Q cư trú tại ấp Đ, xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Q đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Q đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Mỹ L và anh Trần Thanh Q chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2005 chị L và anh Q làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã R, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2005 cấp ngày 22 tháng 02 năm 2005 nên hôn nhân của chị L và anh Q được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị L và anh Q sống hạnh phúc được hơn mười năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q thiếu quan tâm không chăm lo đến gia đình và có quen người phụ nữ khác dẫn đến có sự chia rẽ tình cảm cuộc sống hạnh phúc của gia đình, thể hiện anh Q sống thiếu thủy chung với chị L từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã với nhau. Chính từ những mâu thuẫn trong gia đình vợ chồng anh chị không có biện pháp hòa giải khắc phục sai sót của nhau để xây dựng một mái ấm gia đình thật sự hạnh phúc mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càn trầm trọng dẫn đến vợ chồng không còn tiếp tục sống chung với nhau từ tháng 3/2012 đến nay. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Q biết được việc chị L yêu cầu ly hôn đối với anh Q, nhưng anh Q không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh Q không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng chị L và anh Q hai người sống ly thân với nhau từ tháng 3/2012 đến nay, thời gian sống ly thân của hai người khá lâu, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Mỹ L đối với anh Trần Thanh Q là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu Trần Nguyễn Xuân Ng, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và cháu Trần Nguyễn Niệm I, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012; Riêng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu Trần Nguyễn Xuân Ng và cháu Trần Nguyễn Niệm I hiện đang sống chung với chị L, theo nguyện vọng của cháu Trần Nguyễn Xuân Ng tại bản tự khai ngày 02/01/2019, cháu Ng muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại, chị L hiện đang làm công nhân tại Công ty Vĩnh Khánh với thu nhập hiện nay ổn định đủ chi phí cho cuộc sống và nuôi con, nên không nhất thiết thay đổi môi trường sinh sống của cháu Trần Nguyễn Xuân Ng và cháu Trần Nguyễn Niệm I mà cần ổn định cuộc sống hiện tại của các cháu. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L là phù hợp có căn cứ. Giao cháu Trần Nguyễn Xuân Ng, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và cháu Trần Nguyễn Niệm I, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Riêng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 đã đến tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định chị L và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh Q không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị L phải nộp 300.000 đồng; chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005316 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã nêu trên, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271, khoản 1, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Mỹ L đối với anh Trần Thanh Q. Cho chị Nguyễn Mỹ L được ly hôn anh Trần Thanh Q.

**2.** Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Xuân Ng, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2010 và cháu Trần Nguyễn Niệm I, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 cho chị Nguyễn Mỹ L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Riêng cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Mỹ L không yêu cầu anh Trần Thanh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Trần Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

**4.** Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Nguyễn Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Mỹ L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005316 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;

- UBND xã R;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Út**